

QUYẾT ĐỊNH

決定書

Về việc QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA BỘ PHẬN KIỂM TRA
關於規定稽核部門職務說明書

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY JIA HSIN:

佳新公司總經理部：

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 ; 根據 26/11/2014 頒行的 68/2014/QH13 號企業法；
- Căn cứ vào nhu cầu sản xuất của Công ty ; 根據公司的生產需求；
- Căn cứ vào yêu cầu công tác và năng lực của CB-CNV; 根據幹部人員工作需求和能力；
- Căn cứ vào quyền hạn BTGD. 根據總經理部權限。

QUYẾT ĐỊNH

決定

ĐIỀU 1: Bộ phận JSG Kiểm Tra là bộ phận thuộc khối JSG Văn phòng, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của chủ quản Bộ phận và Ban Tổng giám đốc.

第一條：稽核部屬於文房區的部門，直接接受總經理部和部門主管的領導。

ĐIỀU 2: Quy định về Chức năng – Nhiệm vụ:

第二條：職責和工作之規定

CHỨC NĂNG 職責：

- Là bộ phận phụ trách kiểm tra sự chính xác về chất lượng, số lượng, định mức các loại hàng hóa được mua bán trực tiếp bằng tiền mặt của công ty và thực hiện một số công tác kiểm tra khác theo chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc.
直接檢查公司購買商品的品質、數量和規格的準確性，並依總經理部指示進行其他檢查。

NHIỆM VỤ 工作：

- **Kiểm tra tại kho vật liệu 資材倉檢查：**
 - Kiểm tra chi tiết lãnh phát văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, thuốc tây, dụng cụ sản xuất.
檢查領取文具、勞動防護用具、藥品、生產用具的明細。
 - Kiểm tra số lượng keo, nước xử lý khi KVL cấp phát.
檢查材料倉發出的膠水、處理劑數量。
 - Kiểm tra theo dõi nhiên liệu lò hơi, máy phát điện, nhà ăn.
檢查、追蹤鍋爐、發電機、餐廳燃料用量。
 - Kiểm tra đối chiếu số lượng báo cáo tồn kho và hàng thực tế của văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, dụng cụ sản xuất, linh kiện máy móc,...
檢查、核對報表庫存量與實際數量: 文具、勞動防護用具、生產用具、機器零件等。
- **Kiểm tra tại bãi phế 廢棄物場檢查：**
 - Kiểm tra Phiếu trình, đơn giá, trọng lượng, số lượng trong việc mua bán hàng tồn, phế liệu

của công ty khi đơn vị ngoài vào thu gom hàng phế liệu và kiểm soát tài sản của Công ty.
當外部廠商採買公司清理的庫存料、廢料時，檢查簽呈、單價、重量、數量，及管控公司財產。


- Kiểm tra bãi phế đối với các phân xưởng bỏ phế phải đúng lưu trình qui định của công ty.
檢查廢棄物，依公司規定流程存放廢棄物，

- Kiểm tra một số công việc của bộ phận Bảo vệ, Hành Chánh và Cơ điện :

檢查保衛、行政和機工的一些工作：

- Kiểm tra dữ liệu máy scan vân tay cho các chốt trực và tình hình cập nhật các ca trực của đội Bảo vệ.
檢查保衛部門的指紋機數據及值班狀況。
- Kiểm tra việc sử dụng nhiên liệu và sửa chữa bảo dưỡng bảo trì các loại xe của đội Tài xế.
檢查司機部門車輛使用燃料及維修保養情形。
- Kiểm tra việc thực hiện của việc bảo dưỡng cây xanh tại công ty.
檢查公司綠化保養的執行。
- Kiểm tra sổ sách tồn kho vật tư của cơ điện.
檢查機工資材庫存記錄簿。
- Kiểm tra nhà ăn mỗi lần nhập hàng thực phẩm cân ký, trọng lượng, chất lượng nhà cung ứng giao vào, kiểm tra cơm thừa khi nhà thầu bên ngoài vào lấy.
檢查餐廳：每次供應商提供稱重食物，重量、質量，檢查廠商回收剩餘食物。
- Kiểm tra hàng tuần số thuốc sử dụng và số thuốc tồn trong phòng Y tế.
每週檢查醫務室使用藥物數量及庫存量。
- Kiểm tra bảng báo cáo hàng tháng suất cơm CBCNV & Báo cáo theo dõi xuất bán phế liệu của công ty.
檢查月度幹部-員工用餐數量報告，與公司賣出廢料追蹤報告。
- Kiểm tra bảng công nợ hàng tháng xăng dầu của đội tài xế.
檢查司機每月加油記錄。
- **Kiểm tra công tác vệ sinh hệ thống hút bụi & số liệu CNV trên chuyền của khối sản xuất :**
檢查清潔吸塵系統作業，與生產線上實際人數。
 - Kiểm tra việc cập nhật các phiếu vệ sinh đường ống hút bụi bột mài của các xưởng sản xuất.
檢查現場磨台吸塵管清潔表更新情況。
 - Hàng tuần Kiểm tra & báo cáo số người thực tế CNV làm việc tại các chuyền.
每週檢查，及報告現場生產線實際人數。
- **Kiểm tra hàng gia công ngoài 外包材料檢查：**
 - Kiểm tra số lượng xuất hàng gia công ngoài.
檢查外包出貨數量。
 - Lưu phiếu và cập nhật theo dõi đối chiếu số lượng với tiến độ cấp phát GCN.
保存單據，更新、追蹤、核對外包發放數量。
- **Kiểm tra cùng bộ phận kế toán kiểm kê định kỳ kho vật liệu theo qui định.**
依規定，與財會部門定期盤點資材倉。
 - Hàng tháng cùng bộ phận kế toán chọn mẫu kiểm kê kho vật liệu.
與財會部每月抽檢盤點資材倉。
 - Mỗi quý cùng bộ phận kế toán kiểm kê 100% kho vật liệu.
與財會部每季盤點 100%資材倉。
- **Thực hiện các yêu cầu khác khi có chỉ đạo của cấp trên**
實行上級主管的其他要求。

ĐIỀU 3: Các nhân sự có tên ở điều 1 và các Bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.
第三條：上述第一條人員與相關各部門有責任實行此決定。

Quyết định này được phổ biến toàn Công ty và có hiệu lực kể từ ngày ký 
向全公司通報此決定並於簽署日期起生效。

Nơi gửi :

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
總經理部

- Như điều 3;

- Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC

LU CHUN YEN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CHOU CHUN KAI

GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ

HSU CHIA YUAN

